

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Đính chính phụ lục kèm theo Quyết định số 422/QĐ-UBND
ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực
không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép
của Chủ tịch UBND tỉnh đối với mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa và mỏ đá phiến sét làm phụ gia
xi măng tại xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh đối với mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa và mỏ đá phiến sét làm phụ gia xi măng tại xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 280/TTr-SNNMT ngày 12/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính toạ độ khu vực mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ

tịch UBND tỉnh đối với mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa và mỏ đá phiến sét làm phụ gia xi măng tại xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tại số thứ tự 1, Phụ lục 1, mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Biện Thượng có tọa độ:

Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến 105⁰ Múi chiều 3⁰	
X (m)	Y (m)
2212 223,66	573 169,40
2212 309,86	573 191,16
2212 136,69	574 006,94
2212 132,06	574 183,88
2212 027,63	574 202,88
2212 109,44	573 551,11

Nay đính chính lại như sau:

Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến 105⁰ Múi chiều 3⁰	
X (m)	Y (m)
2212 116,74	573 526,71
2212 232,09	573 557,54
2212 136,69	574 006,94
2212 132, 06	574 183,88
2212 102,64	574 380,45
2212 049,61	574 595,49
2211 959,49	574 584,77
2212 013,45	574 324,53
2212 027,63	574 202,88
2212 109,44	573 551,11

2. Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (T02.75).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường